

## **QUY CHẾ**

### **Hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 09 /NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2021  
của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

## **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Quy chế này quy định bổ sung một số nội dung cụ thể về trách nhiệm, phương thức hoạt động, mối quan hệ công tác, điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân (HĐND), Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**Điều 2.** Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và các đại biểu HĐND thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 có trách nhiệm thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND, các văn bản pháp luật khác có liên quan và các quy định tại Quy chế này.

## **Chương II HĐND THÀNH PHỐ**

### **Điều 3. HĐND thành phố**

1. HĐND thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 gồm 52 đại biểu, là cơ quan quyền lực nhà nước, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân trên địa bàn thành phố, chịu trách nhiệm trước nhân dân và cơ quan nhà nước Trung ương.

2. Thường trực HĐND thành phố gồm Chủ tịch HĐND, các Phó Chủ tịch HĐND, Trưởng các Ban của HĐND thành phố.

3. HĐND thành phố gồm có 4 ban: Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội, Ban Pháp chế, Ban Đô thị và có 07 Tổ đại biểu được tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật.

4. HĐND thành phố hoạt động theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số.

### **Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND thành phố**

1. HĐND thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều 40 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 2, Điều 10 Nghị quyết 119/2020/QH14 của Quốc hội

về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. HĐND thành phố thực hiện hoạt động giám sát theo Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

### **Điều 5. Kỳ họp HĐND thành phố**

1. HĐND thành phố tổ chức các kỳ họp thường lệ mỗi năm 2 lần vào giữa năm và cuối năm. HĐND thành phố họp chuyên đề khi Thường trực HĐND thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND thành phố yêu cầu.

2. HĐND thành phố họp công khai. Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Thường trực HĐND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố hoặc yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND thành phố thì HĐND thành phố quyết định họp kín.

3. Chương trình kỳ họp, việc triệu tập, chủ tọa, điều hành các hoạt động tại kỳ họp HĐND thành phố thực hiện theo quy định từ Điều 79 đến Điều 92 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

4. Đại biểu HĐND thành phố, đại biểu khách mời là đại diện các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội của thành phố phải tham dự đầy đủ thời gian chương trình kỳ họp; vắng mặt phải được Chủ tọa kỳ họp đồng ý.

Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố thông báo công khai danh sách đại biểu vắng mặt vào đầu và cuối buổi làm việc của kỳ họp.

5. Đại biểu đến dự kỳ họp HĐND thành phố mặc trang phục theo yêu cầu của Thường trực HĐND thành phố nêu tại Giấy triệu tập, Giấy mời; ngồi đúng vị trí do Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố sắp xếp.

6. Tại kỳ họp HĐND thành phố, việc chất vấn và trả lời chất vấn thực hiện theo Điều 60 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND, Điều 96 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Điều 2 Nghị quyết 119/2020/QH14 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng.

a) Nội dung chất vấn của đại biểu HĐND thành phố, nội dung của người có trách nhiệm trả lời chất vấn tại kỳ họp HĐND thành phố phải ngắn gọn, đúng trọng tâm.

b) Mỗi đại biểu HĐND thành phố được quyền chất vấn một hoặc nhiều lần về một hoặc nhiều vấn đề; thời gian đặt câu hỏi chất vấn cho một nội dung không quá 01 phút; thời gian trả lời chất vấn không quá 03 phút cho một nội dung.

c) Việc trả lời chất vấn của đại biểu HĐND thành phố tại kỳ họp HĐND thành phố được thực hiện trực tiếp tại kỳ họp hoặc có thể bằng văn bản nếu được Chủ tọa

kỳ họp đồng ý.

7. Đại biểu HĐND thành phố được quyền tham gia ý kiến thảo luận tại kỳ họp, mỗi lần phát biểu không quá 07 phút cho một lần phát biểu.

Đại biểu khách mời được phát biểu ý kiến về vấn đề thuộc lĩnh vực phụ trách nếu được Chủ tọa kỳ họp đồng ý hoặc theo yêu cầu của HĐND thành phố, Chủ tọa kỳ họp.

8. Những ý kiến chất vấn, trả lời chất vấn và phát biểu thảo luận của đại biểu HĐND thành phố phải được ghi đầy đủ vào biên bản kỳ họp.

### **Điều 6. Chuẩn bị kỳ họp HĐND thành phố**

1. Thường trực HĐND thành phố phối hợp với UBND thành phố và các cơ quan khác có liên quan chuẩn bị nội dung phục vụ kỳ họp HĐND thành phố.

2. Các Ban của HĐND thành phố tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp liên quan đến lĩnh vực phụ trách.

3. Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố đảm bảo các điều kiện phục vụ kỳ họp và thực hiện công tác Thư ký kỳ họp.

### **Điều 7. Hoạt động sau kỳ họp HĐND thành phố**

1. Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố hoàn chỉnh các nghị quyết, báo cáo, biên bản của kỳ họp trình Chủ tịch HĐND thành phố ký chứng thực và phát hành theo Điều 86 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Tùy tình hình cụ thể, Thường trực HĐND thành phố tổ chức họp liên tịch với UBND thành phố và các cơ quan liên quan để đánh giá rút kinh nghiệm việc tổ chức, chuẩn bị và phục vụ kỳ họp.

## **Chương III THƯỜNG TRỰC HĐND THÀNH PHỐ**

### **Điều 8. Thường trực HĐND thành phố**

1. Thường trực HĐND thành phố là cơ quan Thường trực của HĐND thành phố, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 104 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các quy định khác của pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước HĐND thành phố.

2. Thường trực HĐND thành phố làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số. Đồng thời phát huy trách nhiệm của người đứng đầu và cá nhân các thành viên trong tập thể Thường trực HĐND thành phố đối với công việc theo lĩnh vực được phân công phụ trách.

### **Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND thành phố**

Các thành viên Thường trực HĐND thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn

theo Điều 105 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và theo Quy chế phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của Thường trực HĐND thành phố.

### **Điều 10. Phiên họp Thường trực HĐND thành phố**

1. Phiên họp Thường trực HĐND thành phố được tổ chức thường xuyên, định kỳ vào ngày thứ Hai cuối cùng của tháng. Nếu trùng vào ngày nghỉ lễ, tết, cuối tuần thì thay đổi theo quyết định của Chủ tịch HĐND thành phố. Việc tổ chức phiên họp thực hiện theo Điều 106 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Giữa hai phiên họp thường kỳ của Thường trực HĐND thành phố, nếu phát sinh vấn đề cấp bách, quan trọng cần phải có ý kiến thống nhất của tập thể Thường trực HĐND thành phố thì Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND dân thành phố báo cáo Chủ tịch HĐND thành phố quyết định tổ chức phiên họp chuyên đề.

3. Trong các phiên họp thường kỳ hoặc chuyên đề, Thường trực HĐND thành phố có thể yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân giải trình các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND thành phố theo Điều 72 hoặc trả lời chất vấn của đại biểu HĐND thành phố theo Điều 69 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

4. Ngoài các phiên họp thường kỳ hoặc chuyên đề, Thường trực HĐND thành phố tổ chức họp giao ban với lãnh đạo các Ban và Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố mỗi tuần một lần. Chủ tịch HĐND thành phố chủ trì cuộc họp giao ban hoặc ủy quyền cho Phó Chủ tịch HĐND thành phố chủ trì. Thành phần tham dự họp giao ban bao gồm: Các thành viên Thường trực HĐND thành phố, Phó Trưởng các Ban HĐND thành phố, Chánh Văn phòng, các Phó Chánh Văn phòng và Trưởng, Phó phòng của các phòng chuyên môn thuộc Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố.

Tại cuộc họp giao ban, các Ban và Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố báo cáo kết quả công tác của cơ quan trong tuần, các vướng mắc, tồn tại, hạn chế và kiến nghị với Thường trực HĐND thành phố. Các thành viên dự họp thảo luận và chủ trì cuộc họp kết luận. Ý kiến kết luận của chủ trì cuộc họp được lập thành văn bản gửi đến các cơ quan liên quan để biết, triển khai thực hiện.

### **Điều 11. Quan hệ công tác giữa Thường trực HĐND thành phố với các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND thành phố**

1. Thường trực HĐND thành phố chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của các Ban HĐND thành phố; xem xét kết quả giám sát của các Ban khi xét thấy cần thiết.

2. Thường trực HĐND thành phố giữ mối liên hệ với đại biểu HĐND thành phố; chỉ đạo hoạt động của các Tổ đại biểu HĐND thành phố.

### **Điều 12. Quan hệ công tác giữa Thường trực HĐND thành phố với các cơ quan Trung ương và địa phương**

1. Thường trực HĐND thành phố báo cáo công tác gửi đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ.

2. Thường trực HĐND thành phố tham dự các cuộc họp chung của thành phố theo chương trình, kế hoạch công tác của Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, UBND thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố.

3. Thường trực HĐND thành phố giữ mối quan hệ và phối hợp công tác với UBND thành phố, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, đồng thời thực hiện nghiêm túc các nội dung theo quy chế phối hợp công tác giữa ba bên Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố.

4. Thường trực HĐND thành phố giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Đoàn đại biểu Quốc hội đơn vị thành phố Đà Nẵng.

5. UBND, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố và các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm chuẩn bị các dự án, đề án, báo cáo thuộc nội dung, chương trình kỳ họp HĐND thành phố, phiên họp Thường trực HĐND thành phố theo sự phân công của Thường trực HĐND thành phố.

## **Chương IV**

### **CÁC BAN CỦA HĐND THÀNH PHỐ**

#### **Điều 13. Ban của HĐND thành phố**

Ban của HĐND thành phố là cơ quan của HĐND, có nhiệm vụ thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trước khi trình HĐND thành phố; giám sát, kiến nghị về những vấn đề thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước HĐND thành phố.

HĐND thành phố có 04 Ban: Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội, Ban Đô thị. Mỗi Ban có không quá 12 thành viên, gồm Trưởng ban, các Phó Trưởng ban là đại biểu chuyên trách và các Ủy viên là các đại biểu HĐND thành phố hoạt động kiêm nhiệm. Danh sách Ủy viên của từng Ban do Thường trực HĐND phê chuẩn trên cơ sở số lượng do HĐND thành phố quyết định.

#### **Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn các Ban của HĐND thành phố**

Các Ban của HĐND thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định từ các Điều 108 đến Điều 111 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và theo Quy chế hoạt động của Ban do từng Ban xây dựng.

#### **Điều 15. Trách nhiệm của Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các thành viên của Ban**

1. Trách nhiệm của Trưởng ban

Trưởng ban ngoài việc thực hiện các nhiệm vụ được Thường trực HĐND thành phố phân công với tư cách là thành viên Thường trực HĐND thành phố, có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Chỉ đạo, điều hành công việc của Ban; thay mặt Ban ký các văn bản do Ban phát hành;

b) Chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc và chủ trì cuộc họp của Ban, chỉ đạo công tác hoạt động của Ban;

c) Giữ mối liên hệ với các thành viên của Ban và thay mặt Ban giữ mối liên hệ với Thường trực HĐND thành phố, các Ban khác của HĐND thành phố, các cơ quan, tổ chức ở địa phương và Trung ương đóng trên địa bàn;

d) Báo cáo kết quả hoạt động của Ban với HĐND thành phố, Thường trực HĐND thành phố;

đ) Tham dự các cuộc họp do Thường trực HĐND thành phố triệu tập; thay mặt Ban tham dự các cuộc họp bàn về lĩnh vực Ban phụ trách do UBND thành phố, các cơ quan, tổ chức ở địa phương mời;

e) Tổ chức việc giám sát, khảo sát của Ban;

g) Trình bày báo cáo thẩm tra, báo cáo kết quả giám sát tại kỳ họp HĐND thành phố.

2. Phó Trưởng ban giúp Trưởng ban thực hiện chỉ đạo, điều hành một số công việc của Ban. Khi Trưởng ban vắng mặt và ủy quyền, Phó Trưởng ban điều hành công việc của Ban.

3. Các thành viên của Ban có trách nhiệm chấp hành sự chỉ đạo, điều hành của Trưởng ban; tích cực tham gia các hoạt động của Ban và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban về kết quả công tác của cá nhân theo phân công của Trưởng ban.

### **Điều 16. Quan hệ phối hợp công tác của các Ban của HĐND thành phố**

Quan hệ phối hợp công tác của các Ban của HĐND được thực hiện theo Điều 110 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

## **Chương V**

### **ĐẠI BIỂU VÀ TỔ ĐẠI BIỂU HĐND THÀNH PHỐ**

#### **Điều 17. Đại biểu HĐND thành phố**

1. Đại biểu HĐND thành phố thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định từ các Điều 93 đến Điều 103 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Bên cạnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo khoản 1 Điều này, đại biểu HĐND thành phố có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Nghiên cứu chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước

và từ thực tiễn cuộc sống, đại biểu có trách nhiệm chủ động đề xuất HĐND thành phố xây dựng các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền để phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn thành phố.

b) Tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp HĐND, các cuộc họp do Thường trực HĐND thành phố, Trưởng ban các Ban của HĐND thành phố hoặc Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND thành phố triệu tập; thực hiện đúng các chương trình, kế hoạch công tác của Ban, các Tổ đại biểu HĐND thành phố mà đại biểu là thành viên. Khi tham dự kỳ họp, các phiên họp của HĐND, các cuộc làm việc liên quan đến công tác của HĐND, tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, đại biểu HĐND phải đeo phù hiệu đại biểu HĐND thành phố.

c) Khi nhận các tài liệu của kỳ họp do Thường trực HĐND, UBND thành phố và cơ quan liên quan gửi đến, đại biểu phải nghiên cứu và báo cáo những vấn đề liên quan với cử tri, chuẩn bị ý kiến đóng góp vào nội dung kỳ họp; các bản dự thảo do Thư ký kỳ họp chuyển đến để lấy ý kiến, đại biểu có trách nhiệm tham gia ý kiến và chuyển lại Thư ký kỳ họp theo thời gian quy định của Thường trực HĐND thành phố.

d) Tập trung tham gia góp ý nội dung các dự thảo nghị quyết của HĐND thành phố thông qua việc phát biểu góp ý trực tiếp tại hội trường hoặc chỉnh sửa trực tiếp vào văn bản dự thảo; thể hiện rõ chính kiến đối với những dự thảo Nghị quyết còn có nhiều ý kiến, phương án khác nhau.

đ) Tích cực tranh luận, chất vấn đối với các vấn đề bức xúc của cử tri. Việc chất vấn của đại biểu HĐND thành phố phải tuân thủ quy định tại Điều 96 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Điều 60 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND. Thời gian nêu chất vấn của đại biểu tại hội trường tối đa 01 (một) phút cho 01 (một) vấn đề.

e) Tiếp công dân theo Kế hoạch, Chương trình của Thường trực HĐND thành phố hoặc do Tổ trưởng phân công ở đơn vị bầu cử, nhằm thu thập ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của công dân; giải thích, tuyên truyền pháp luật; hướng dẫn, giúp công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo. Khi nhận được kiến nghị, khiếu nại tố cáo của công dân, đại biểu HĐND thành phố có trách nhiệm nghiên cứu, hướng dẫn công dân gửi khiếu nại, tố cáo đến đúng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết hoặc thông qua Thường trực HĐND thành phố chuyển đơn đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết và theo dõi, đôn đốc việc giải quyết theo quy định.

g) Thường xuyên sâu sát cơ sở, chủ động gặp gỡ cử tri bằng nhiều hình thức gián tiếp, trực tiếp, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của nhân dân; tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; phát hiện kịp thời những sai phạm trong công tác quản lý kinh tế - xã hội,

có kiến nghị biện pháp khắc phục...

h) Đại biểu HĐND thành phố hoạt động không chuyên trách phải dành ít nhất một phần ba thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND thành phố.

i) Xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu, vì lý do sức khỏe hoặc lý do khác, phải làm đơn đề nghị Thường trực HĐND và HĐND thành phố chấp nhận cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu.

### **Điều 18. Tổ đại biểu HĐND thành phố**

1. Các đại biểu HĐND thành phố được bầu tại một hoặc nhiều đơn vị bầu cử hợp thành Tổ đại biểu. Số lượng, danh sách thành viên, Tổ trưởng và Tổ phó của Tổ đại biểu do Thường trực HĐND thành phố quyết định.

Đại biểu có nhu cầu chuyển sinh hoạt Tổ đại biểu cho phù hợp với điều kiện công tác và cư trú thì làm đơn gửi Thường trực HĐND thành phố xem xét, quyết định.

Tổ đại biểu HĐND thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 112 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; tổ chức họp mỗi quý một lần để kiểm điểm tình hình hoạt động trong quý, bàn kế hoạch công tác thời gian đến, gửi báo cáo và biên bản cuộc họp đến Thường trực HĐND thành phố trước ngày 25 của tháng cuối cùng trong quý.

2. Trách nhiệm Tổ trưởng, Tổ phó và các thành viên

a) Tổ trưởng điều hành công việc của Tổ đại biểu, bao gồm:

Chủ trì các cuộc họp Tổ, tổng hợp ý kiến thảo luận của đại biểu và các thành viên dự họp để phản ánh với Thường trực HĐND thành phố.

Phối hợp với UBND, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các quận; Thường trực HĐND, UBND, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Hòa Vang tổ chức các cuộc tiếp xúc cử tri.

Đối với Tổ đại biểu đơn vị huyện Hòa Vang, Tổ trưởng có trách nhiệm phân công và đôn đốc các đại biểu trong Tổ tham dự các kỳ họp của HĐND huyện khi được mời.

Phân công đại biểu viết báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri đối với những điểm tiếp xúc có từ 02 đại biểu trở lên cùng tham dự; đôn đốc đại biểu trong tổ gửi báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri về Thường trực HĐND thành phố đúng thời hạn.

Phân công đại biểu tham dự các cuộc họp do UBND quận, UBND phường tổ chức liên quan đến người dân; các cuộc họp tổ dân phố (nếu cần thiết), tổ chức cho đại biểu tiếp công dân địa bàn đại biểu ứng cử định kỳ hằng tháng hoặc đột xuất khi công dân có yêu cầu.



Tổ chức và phân công các thành viên trong Tổ thực hiện một số nội dung giám sát về tình hình thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của HĐND thành phố trên địa bàn ứng cử. Báo cáo kết quả giám sát về Thường trực HĐND thành phố; có văn bản kiến nghị, đề xuất đối với các cơ quan đơn vị, liên quan.

Trước kỳ họp HĐND thành phố, Tổ đại biểu sinh hoạt đề nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị đóng góp ý kiến tại kỳ họp, đồng thời tổ chức kiểm điểm, đánh giá tình hình hoạt động của Tổ và bàn kế hoạch công tác của Tổ trong thời gian đến.

b) Tổ phó giúp Tổ trưởng điều hành hoạt động của Tổ theo phân công của Tổ trưởng.

c) Các đại biểu trong Tổ đại biểu HĐND thành phố có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp do Tổ trưởng triệu tập, chấp hành sự phân công của Tổ trong việc tiếp xúc cử tri, báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri; tham gia đầy đủ các hoạt động giám sát của Tổ đại biểu, các Ban của HĐND thành phố, Thường trực HĐND thành phố khi được phân công hoặc mời tham gia; quan hệ chặt chẽ với chính quyền, cơ quan, đơn vị, nhân dân trong khu vực để nắm tình hình, nguyện vọng nhân dân và phản ảnh trong các cuộc họp Tổ đại biểu.

## **Chương VI**

### **ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐND THÀNH PHỐ**

#### **Điều 19. Điều kiện đảm bảo hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND và các Ban của HĐND thành phố**

1. Kinh phí hoạt động của HĐND thành phố do Thường trực HĐND thành phố trình HĐND thành phố quyết định trong kế hoạch ngân sách hằng năm của thành phố. Việc sử dụng kinh phí hoạt động của HĐND thành phố được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Nội dung chi, định mức chi phục vụ hoạt động của HĐND thành phố được thực hiện theo các quy định của Nhà nước và Nghị quyết của HĐND thành phố về định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động HĐND thành phố.

3. Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố chịu trách nhiệm bảo đảm điều kiện phục vụ hoạt động của HĐND thành phố, Thường trực HĐND thành phố, các Ban của HĐND thành phố và đại biểu HĐND thành phố theo quy định của pháp luật; lập dự toán kinh phí hoạt động của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, đại biểu HĐND thành phố theo quy định trình Thường trực HĐND, các Ban của HĐND thành phố cho ý kiến và tổng hợp gửi Sở Tài chính theo quy định.

#### **Điều 20. Điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu HĐND thành phố**

Các đại biểu HĐND thành phố được đảm bảo các điều kiện phục vụ hoạt động theo Điều 103 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

## **Chương VII**

### **HIỆU LỰC THI HÀNH**

#### **Điều 21. Hiệu lực thi hành**

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày HĐND thành phố biểu quyết thông qua cho đến hết nhiệm kỳ 2021 - 2026 HĐND thành phố khóa X. Khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Chính phủ ban hành những quy định khác với Quy chế này thì thực hiện các văn bản của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Chính phủ. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HĐND thành phố quyết định.

#### **Điều 22. Trách nhiệm thực hiện**

Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, các đại biểu HĐND thành phố, UBND thành phố, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm giám sát và thực hiện Quy chế này./.

**CHỦ TỊCH**  
**Lương Nguyễn Minh Triết**